CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 8 THÁNG 2 NĂM 2021 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 8 THÁNG 2 NĂM 2021 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

NỘI DUNG **TRANG**

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DNNT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DNNT)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DNNT)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DNNT)	10

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 85/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 2 năm 2021.	
Hội đồng Thành viên	Ông Lee Euichul	Chủ tịch
	Ông Lee Young Ho	Thành viên
	Ông Bae Seung Jun	Thành viên
	Ông Cho Chong Sop	Thành viên
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lee Euichul	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tầng 20, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 8 tháng 2 năm 2021 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 24. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 2 năm 2021 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam.

S.G.P: 85 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM
QUẬN 1 TP HỒ CHÍ MINH

Lee Euichul
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 2 năm 2021 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 24.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 3823 0796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 2 năm 2021 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

M.S.D.N: 0100157406 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Mai Trần Bảo Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4166-2022-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12098
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DNNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.251.006.982.436**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**178.516.555.063**
111	Tiền		17.710.534.552
112	Các khoản tương đương tiền		160.806.020.511
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**2.000.000.000.000**
121	Đầu tư ngắn hạn	4(a)	2.000.000.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**67.828.774.557**
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		278.162.000
135	Phải thu ngắn hạn khác	5(a)	67.550.612.557
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**4.661.652.816**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	6	2.507.996.550
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	2.153.656.266
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**108.363.495.501**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**15.240.591.413**
218	Phải thu dài hạn khác	5(b)	15.240.591.413
218.1	Ký quỹ bảo hiểm		12.000.000.000
218.2	Phải thu dài hạn khác		3.240.591.413
220	**Tài sản cố định**		**20.205.920.568**
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	692.678.088
222	Nguyên giá		706.970.520
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(14.292.432)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	19.513.242.480
228	Nguyên giá		20.527.388.805
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.014.146.325)
230	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**	8	**68.416.983.520**
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**4.500.000.000**
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	4.500.000.000
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**2.359.370.477.937**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DNNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**32.270.402.787**
310	**Nợ ngắn hạn**		**32.270.402.787**
312	Phải trả người bán ngắn hạn	9	563.854.949
312.2	*Phải trả khác cho người bán*		*563.854.949*
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.163.175.302
315	Phải trả người lao động	11	1.686.455.455
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	12	28.856.917.081
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.327.100.075.150**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**2.327.100.075.150**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	13, 14	2.320.000.000.000
419	Quỹ dự trữ bắt buộc		355.003.758
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	14	6.745.071.392
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*6.745.071.392*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**2.359.370.477.937**

Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Lee Euichul
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DNNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
12	Doanh thu hoạt động tài chính	80.160.108.943
24	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(70.581.976.695)
25	Chi phí khác	(862.213.364)
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**8.715.918.884**
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(1.615.843.734)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**7.100.075.150**

Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Lee Euichul
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DNNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số		Thuyết minh	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
22	Doanh thu hoạt động tài chính	16	80.160.108.943
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(70.581.976.695)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**9.578.132.248**
32	Chi phí khác		(862.213.364)
40	**Lỗ khác**		**(862.213.364)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**8.715.918.884**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	18	**(1.615.843.734)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	18	**-**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**7.100.075.150**

Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Lee Euichul
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Mẫu số B 03 - DNNT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**8.715.918.884**
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	7	1.028.438.757
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16	(80.160.108.943)
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**(70.415.751.302)**
09	Tăng các khoản phải thu		(18.104.789.532)
11	Tăng các khoản phải trả		34.424.059.053
12	Tăng chi phí trả trước		(2.507.996.550)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") đã nộp	10	(3.769.500.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(60.373.978.331)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	7, 8	(89.651.342.845)
23	Tiền gửi ngân hàng		(2.304.500.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi đáo hạn		300.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		13.041.876.239
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(2.081.109.466.606)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	14	2.320.000.000.000
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**2.320.000.000.000**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**178.516.555.063**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ**	3	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**	3	**178.516.555.063**

Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Lee Euichul
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam với thời hạn hoạt động là 50 năm theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 85/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 2 năm 2001. Công ty có 100% vốn thuộc sở hữu của Công ty Shinhan Life Insurance Corporation. Chi tiết về vốn góp được trình bày ở Thuyết minh 13.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 33 nhân viên.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập dựa theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư Quỹ liên kết đơn vị được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 8 tháng 2 năm 2021 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch hợp đồng bảo hiểm, có ảnh hưởng lớn đến phí dịch vụ cung cấp; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết phí bảo hiểm và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và tiền gửi không kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dựa vào ý định đầu tư của Tổng Giám đốc của Công ty mà các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sẽ được phân loại vào đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc đầu tư tài chính dài hạn trên bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Biến động dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận là khoản tăng hoặc giảm chi phí tài chính. Hoàn nhập dự phòng, nếu có, được lập trong trường hợp khoản đầu tư khôi phục giá trị theo giá gốc.

2.8 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	20%
Phí bản quyền	9%-20%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.10 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập của Công ty và phân phối lợi nhuận sau thuế tại thời điểm báo cáo.

2.13 Phân chia lợi nhuận

LNST TNDN có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Điều 77 của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 được ban hành bởi Bộ Tài chính ("Nghị định 73"), Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc đến khi số dư quỹ này bằng 10% mức vốn điều lệ của Công ty.

2.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.15 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế tại thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 7).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31.12.2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	17.710.534.552
Các khoản tương đương tiền (*)	160.806.020.511
	178.516.555.063

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có thời hạn đáo hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất 2,1%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31.12.2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
ii. Dài hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 20(b))	4.500.000.000	4.500.000.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi với thời hạn gốc trên ba (3) tháng và thời hạn đáo hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,3%/năm đến 5,0%/năm.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện khoản tiền gửi với thời hạn gốc trên ba (3) tháng và thời hạn đáo hạn còn lại trên mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,5%/năm.

5 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ lãi tiền gửi	67.012.212.193	-
Đặt cọc	441.887.000	-
Các khoản khác	96.513.364	-
	67.550.612.557	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 31.12.2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ bảo hiểm (Thuyết minh 20(b)) (*)	12.000.000.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng	3.240.591.413	-
	15.240.591.413	-

(*) Theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016, Công ty phải ký quỹ bắt buộc tại một ngân hàng thương mại trong nước với số tiền 12.000.000.000 đồng, tương đương 2% mức vốn pháp định tối thiểu của công ty bảo hiểm nhân thọ được quy định trong Nghị định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 31.12.2021 VND
Quà tặng	1.217.988.095
Chi phí sửa chữa và hỗ trợ	961.683.435
Học phí	323.699.460
Khác	4.625.560
	2.507.996.550

Biến động về chi phí trả trước trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
Số dư đầu kỳ	-
Tăng	4.174.786.810
Phân bổ trong kỳ	(1.666.790.260)
Số dư cuối kỳ	2.507.996.550

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 8 tháng 2 năm 2021	-	-	-
Mua trong kỳ	648.580.320	58.390.200	**706.970.520**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	648.580.320	58.390.200	**706.970.520**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 8 tháng 2 năm 2021	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	13.059.750	1.232.682	**14.292.432**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	13.059.750	1.232.682	**14.292.432**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 8 tháng 2 năm 2021	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	635.520.570	57.157.518	**692.678.088**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có TSCĐ hữu hình đã được khấu hao hết nhưng không còn sử dụng.

(b) TSCĐ vô hình

	Bản quyền VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 8 tháng 2 năm 2021	-	-
Mua trong kỳ	20.527.388.805	**20.527.388.805**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	20.527.388.805	**20.527.388.805**
Khấu hao lũy kế		
Tại ngày 8 tháng 2 năm 2021	-	-
Khấu hao trong kỳ	1.014.146.325	**1.014.146.325**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.014.146.325	**1.014.146.325**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 8 tháng 2 năm 2021	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	19.513.242.480	**19.513.242.480**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có TSCĐ vô hình đã được khấu hao hết nhưng không còn sử dụng.

8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	Tại ngày 31.12.2021 VND
Phần mềm	68.416.983.520

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
Số dư đầu kỳ	-
Mua sắm	68.416.983.520
Số dư cuối kỳ	68.416.983.520

9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 31.12.2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	563.854.949	563.854.949

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình biến động trong kỳ của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số (phải thu)/ phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Phải trả					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.615.843.734	(3.769.500.000)	2.153.656.266	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.499.735.553	(1.336.560.251)	-	1.163.175.302
Thuế khác	-	538.258.870	(538.258.870)	-	-
	-	4.653.838.157	(5.644.319.121)	2.153.656.266	1.163.175.302
Phải thu					-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	2.153.656.266	2.153.656.266

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Khoản phải trả thể hiện các khoản lương thưởng và các khoản trợ cấp khác cho người lao động.

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 31.12.2021 VND
Chi phí dịch vụ tư vấn	28.262.727.096
Chi phí lương tháng 13	456.004.050
Khác	138.185.935
	28.856.917.081

13 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Vốn đã góp
	VND	%	VND
Shinhan Life Insurance Corporation	2.320.000.000.000	100	2.320.000.000.000

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 85/GP/KDBH ngày 8 tháng 2 năm 2021 do Bộ Tài chính cấp, vốn điều lệ của Công ty là 2.320.000.000 đồng, đã được góp đủ.

14 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 8 tháng 2 năm 2021	-	-	-	-
Vốn tăng trong kỳ (Thuyết minh 20(a)(iv))	2.320.000.000.000	-	-	**2.320.000.000.000**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7.100.075.150	**7.100.075.150**
Trích lập quỹ Quỹ dự trữ bắt buộc	-	355.003.758	(355.003.758)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.320.000.000.000	355.003.758	6.745.071.392	**2.327.100.075.150**

15 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể thu trong tương lai theo của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 21.

16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
Lãi tiền gửi	80.160.108.943

17 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
Chi phí nhân viên	28.651.520.807
Chi phí mua ngoài	27.398.675.300
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.791.640.903
Chi phí thuê văn phòng	3.530.937.359
Chi phí khấu hao	1.028.438.757
Khác	2.180.763.569
	70.581.976.695

18 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.715.918.884
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.743.183.777
Điều chỉnh:	
Chi phí không được khấu trừ	565.164.414
Thuế được miễn hoặc giảm (*)	(692.504.457)
Chi phí thuế TNDN (**)	1.615.843.734
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:	
Thuế TNDN - hiện hành	1.615.843.734
Thuế TNDN - hoãn lại	-
	1.615.843.734

18 THUẾ TNDN (tiếp theo)

(*) Ngày 27 tháng 10 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 92/2021/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 do Quốc hội ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2021. Theo Nghị định này, Công ty đánh giá là đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định này nên áp dụng mức giảm 30% khi tính thuế TNDN cho thu nhập chịu thuế TNDN phát sinh trong giai đoạn từ ngày 8 tháng 2 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(**) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

19 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

		2021
1	**Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn**	
1,1	Bố trí cơ cấu tài sản	
	- Tài sản và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản (%)	4,59%
	- Tài sản và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	95,41%
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	1,37%
	- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	98,63%
2.	**Khả năng thanh toán**	
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành (số lần)	73,11
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	69,75
2.3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	69,75
3.	**Tỷ suất sinh lời**	
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	
	- Lãi trước thuế/Doanh thu (%)	10,87%
	- Lãi sau thuế/Doanh thu (%)	8,86%
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	
	- Lãi trước thuế/Tổng tài sản (%)	0,37%
	- Lãi sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,30%
3.3	Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu	
	- Lãi sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	0,31%

20 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát hoàn toàn bởi Shinhan Life Insurance Corporation, Công ty mẹ cao nhất là Shinhan Finance Group Company Limited, một công ty được thành lập tại Hàn Quốc và được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 2 năm 2021 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Shinhan Life Insurance Corporation	Công ty mẹ
Ngân Hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Công Ty TNHH Shinhan DS Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Giai đoạn từ 8.2.2021 đến 31.12.2021 VND
i) Mua hàng hóa và dịch vụ	
Công Ty TNHH Shinhan DS Việt Nam	51.505.238.624
Shinhan Life Insurance Corporation	21.328.293.283
	72.833.531.907
ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.894.814.444
iii) Hoạt động tài chính	
Ngân Hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	
Tiền gửi có kỳ hạn	1.120.734.520.548
Tiền thu hồi tiền gửi đáo hạn	755.534.520.548
Ký quỹ	12.000.000.000
Lãi tiền gửi	10.640.817.390
Phí ngân hàng	4.283.952
iv) Nhận vốn góp (Thuyết minh 14)	
Shinhan Life Insurance Corporation	2.320.000.000.000

20 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày 31.12.2021 VND
i) Đầu tư ngắn hạn	
Ngân Hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	376.005.805.703
ii) Đầu tư dài hạn (Thuyết minh 4)	
Ngân Hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	4.500.000.000
iii) Ký quỹ bảo hiểm (Thuyết minh 5(b))	
Ngân Hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	12.000.000.000

21 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 31.12.2021 VND
Dưới 1 năm	10.452.020.042
Từ 1 đến 5 năm	67.138.873.121
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	77.590.893.163

22 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau

	Tại ngày 31.12.2021 VND
Phần mềm và hệ thống	72.574.928.365

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Lee Euichul
Tổng Giám đốc